

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên học sinh..... Số báo danh.....Lớp..... Phòng.....

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Chử Lầu

Chử Lầu sau khi sáng tạo ra trời đất bèn làm một lúc 10 mặt trời, 9 mặt trăng và rất nhiều sao để chiếu rọi cho khô ráo và cho sáng. Về sau vì loài người sợ rằng những thứ đó rơi xuống có thể làm nguy hại cho trần gian nên xin Chử Lầu cất đi nhưng Chử Lầu không cất, chỉ làm thêm một cái màn xanh ngăn giữa đất và tinh cầu để cho loài người an tâm. Mười mặt trời là nữ, chín mặt trăng là nam được Chử Lầu cho một cái hôn vào miệng và thổi hơi cho hoạt động. Những tinh cầu ấy hun đốt trong bảy năm liền. Trong thời gian đó, chỉ có ngày mà không có đêm.

Khi đất đã khô ráo, Chử Lầu làm ra mọi thứ cỏ cây, muôn vật và người. Con người do Chử Lầu dùng đất nặn thành, cho hôn vào bụng, tiếng nói ở cổ họng và thổi hơi vào cho sống. Mọi vật phát triển rất chóng, chỉ mấy lúc mà đầy cả mặt đất. Nhưng vì nóng quá, con người bèn chặt cây lớn làm cung tên khổng lồ, bắn vào các mặt trời và mặt trăng. Chín mặt trời và 8 mặt trăng trúng tên tắt ngay còn hai cái nữa trốn thoát.

Trong khoảng đó có đêm không ngày người ta sống trong cảnh đen tối, lạnh lẽo. Họ cố nài mặt trời và mặt trăng trở lại nhưng chúng không nghe. Các giống vật cử cộp đi gọi nhưng cũng không được. Sau bảy năm, nhờ có gà gọi mãi đến lần thứ bảy, chúng mới chịu trở về, Chử Lầu thưởng cho gà một cái mào đỏ vì có công trạng ấy.

Con người lúc đó sống đến 900 tuổi, đến hạn cũng chết, nhưng được vào vườn Din-giang-ca của Chử Lầu. Ở đó trong 12 ngày tự nhiên lột da, sống và trẻ lại rồi trở về nhà cũ. Nhưng có một nhà nọ, nàng dâu xích mích với mẹ chồng, thường hắt hủi xỉ vả nên mẹ chồng giận, quyết ở luôn tại vườn Din-giang-ca không về. Ở đây bà ta ăn quả đào trắng, uống nước suối, phạm vào lệnh cấm của Chử Lầu. Chử Lầu giận, bèn cấm loài người không được đến vườn của mình nữa. Từ đó, loài người hễ chết là chết luôn.

[...]

(Theo Bùi Văn Nguyên, Đỗ Bình Trị, *Tư liệu tham khảo văn học Việt Nam*, Tập I :
Văn học dân gian, phần III, NXB Giáo dục, 1976. Tr.93 – 96)

Chử Lầu: như Ngọc Hoàng trong thần thoại của người Kinh (Việt)

Tinh cầu: ngôi sao

Nài: năn nỉ, yêu cầu

Din-giang-ca: vườn của Chử Lầu, tức là “thiên đường” theo quan niệm thần thoại.

Câu 1. (0,5 điểm) Theo văn bản, “*Khi đất đã khô ráo*”, Chử Lầu làm gì?

Câu 2. (0,5 điểm) Trong lúc ở vườn Din-giang-ca, người mẹ chồng đã làm gì khiến Chử Lầu giận?

Câu 3. (1,0 điểm) Xác định chủ đề của văn bản?

Câu 4. (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ trong câu văn sau: “*Các giống vật cử cạp đi gọi nhưng cũng không được. Sau bảy năm, nhờ có gà gọi mãi đến lần thứ bảy, chúng mới chịu trở về, Chử Lầu thưởng cho gà một cái mào đỏ vì có công trạng ấy*”.

Câu 5. (1,0 điểm) Theo anh/chị, chi tiết “*con người bèn chặt cây lớn làm cung tên khổng lồ, bắn vào các mặt trời và mặt trăng. Chín mặt trời và 8 mặt trăng trúng tên tắt ngay còn hai cái nữa trốn thoát*.” thể hiện khát vọng gì của người xưa?

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích vai trò của yếu tố thần kỳ trong đoạn trích trên?

Câu 2. (4 điểm) Anh/chị hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ về ý chí nghị lực của con người trong cuộc sống.

..... *HẾT*

Học sinh không sử dụng tài liệu, giám thị không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Khi đất đã khô ráo Chử Lầu làm ra mọi thứ cỏ cây, muôn vật và người Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai đáp án: 0,0 điểm	0,5
2	Trong lúc ở vườn Dìn-giang-ca, người mẹ chồng đã làm gì khiến Chử Lầu giận: bà ta ăn quả đào trắng, uống nước suối Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai đáp án: 0,0 điểm	0,5
3	Chủ đề của văn bản: Ca ngợi công lao to lớn của Chử Lầu trong việc tạo ra mặt trời, mặt trăng; mọi thứ cỏ cây, muôn vật và con người Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm.	1,0
4	Phép tu từ: nhân hoá (0,5 đ) Tác dụng: (0,5 đ) + Thể hiện sự gần gũi, gắn kết giữa con người với loài vật. + Giúp lời văn sinh động, hấp dẫn, ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Trả lời được ý 1: 0,5 điểm. - Trả lời được ý 2: 0,5 điểm.	1,0
5	Khát vọng được thể hiện là: Khát vọng chinh phục tự nhiên. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời sai, không trả lời: 00 điểm.	1,0

II. PHẦN LÀM VĂN (6,0 điểm)

	Nội dung	Điểm
1	Anh/ chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích vai trò của yếu tố thần kỳ trong đoạn trích trên?	2
	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn nghị luận Mở đoạn nêu được vấn đề, Thân đoạn triển khai được vấn đề, Kết đoạn khái quát được vấn đề.	0,25

	b. Xác định đúng yêu cầu nghị luận: vai trò của yếu tố thần kỳ trong đoạn trích	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận: - Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, song hành... nhưng phải đảm bảo đầy đủ nội dung. Có thể theo gợi ý sau: + Yếu tố thần kỳ là gì? Là những chi tiết kỳ ảo, hoang đường thường gặp trong Thần thoại + Biểu hiện trong đoạn trích: Chữ Lầu <i>sáng tạo ra trời, đất, trăng, sao, cỏ cây; ... Con người lúc đó sống đến 900 tuổi, đến hạn cũng chết, nhưng được vào vườn Din-giang-ca của Chữ Lầu. Ở đó trong 12 ngày tự nhiên lột da, sống và trẻ lại rồi trở về nhà cũ, ... -> đa dạng</i> + Có vai trò gì trong Thần thoại? . Là yếu tố nghệ thuật độc đáo, giàu sáng tạo của người xưa . Tăng sự hấp dẫn, lôi cuốn, tạo kịch tính bất ngờ giúp cốt truyện phát triển + Ý nghĩa: . Giải thích những hiện tượng tự nhiên của người xưa . Khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên . Lòng biết ơn với thiên nhiên, muôn loài ... Hướng dẫn chấm: - HS diễn đạt rõ ràng, đủ ý, lời văn gãy gọn, hợp chuẩn mực, không sai lỗi chính tả: 2,0 điểm - HS diễn đạt rõ ràng nhưng chưa đủ ý, mắc vài lỗi chính tả: 1,0 - 1,75 điểm) - HS trả lời diễn đạt lan man, thiếu trọng tâm, mắc nhiều lỗi chính tả: 0,25 - 0,75 điểm	1,0
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận	0,25
2	Anh/chị hãy viết bài văn trình bày quan điểm của mình về ý chí nghị lực của con người trong cuộc sống.	4,0
	a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ những suy nghĩ của bản thân về <i>ý chí nghị lực của con người trong cuộc sống</i>. Có thể theo định hướng sau:	2,75
	- Giải thích: + Ý chí, nghị lực là bản lĩnh, lòng quyết tâm vươn lên trong cuộc sống của mỗi con người. - Bàn luận: + Tại sao con người cần phải có ý chí nghị lực sống? . Cuộc sống không bao giờ bằng phẳng mà luôn chứa đựng những khó khăn, thử thách thậm chí mang đến những hiểm họa khôn lường. . Mỗi người phải có cách nhìn, thái độ chủ động trước hoàn cảnh: không đầu hàng, buông xuôi, phó mặc cho số phận. . Khó khăn, thử thách không chỉ là trở ngại mà chính là môi trường tôi luyện bản lĩnh, giúp mỗi người mạnh mẽ hơn. (Dẫn chứng: ...)	

	+ <i>Phê phán</i> : Những người sống hèn nhát, thụ động, không dám đối mặt với khó khăn, thử thách, dễ đầu hàng số phận; có người ỷ lại không nỗ lực, chỉ biết hưởng thụ, lãng phí thời gian....	
	+ Nhận thức, hành động: không ngừng phấn đấu, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong cuộc sống để vươn tới thành công và tự hoàn thiện mình. Hướng dẫn chấm: - <i>Học sinh diễn đạt đầy đủ, sâu sắc: 4,0 điểm.</i> - <i>Học sinh diễn đạt đầy đủ nhưng chưa sâu sắc: 2,5 - 3,5 điểm.</i> - <i>Học sinh diễn đạt chung chung, chưa rõ các luận điểm: 1,0 - 2,25 điểm.</i> - <i>Học sinh diễn đạt sơ sài, không rõ các biểu hiện: 0,5 - 0,75 điểm.</i>	
	d. Chính tả: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

..... HẾT